

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-PT

Ngày 14-7-2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: ông Đặng Văn Quyết và ông Nguyễn Việt Hùng;

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLPT-DS ngày 04/4/2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2023/QĐ-PT ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐ-PT ngày 15/6/2023 giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ông Hoàng Xuân P, sinh năm 1950; Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

- Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn Tr, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1947; Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Th: ông Phạm Đức Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: số 42, ngõ 91, đường T, quận C, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Đức Th: Luật sư Tạ Văn Tú và Luật sư Nguyễn Giang My - Công ty Luật TNHH An Quốc - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (Luật sư Tú vắng mặt, luật sư My có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Văn Ch, sinh năm 1975 (vắng mặt);

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

- Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1979 (vắng mặt);
- Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt);
- Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Đều địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị H: ông Phạm Đức Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: số 42, ngõ 91, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2022 và Giấy ủy quyền ngày 25/7/2022) (có mặt).

- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó phòng TN&MT thành phố Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự số 3455/QĐ-UBND ngày 23/9/2022) (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do bà Phòng Thị Ng - Trưởng phòng TN&MT huyện Yên Dũng đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự tại Tòa án số 50/UBND-NC ngày 12/01/2023) (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang do ông Lương Ngọc Kh - Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự số 248/QĐ-UBND ngày 08/11/2022) (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân P và ông Hoàng Văn Đ trình bày: Bỏ mẹ các ông là cụ Hoàng Văn C và cụ Nguyễn Thị M. Cụ C, cụ M sinh được 4 người con gồm: Hoàng Xuân Ph, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân P và Hoàng Văn Đ. Khoảng năm 1954, cụ M chết, Cụ C lấy vợ khác là cụ Dương Thị M. Cụ C và cụ M sinh được 1 người con là Hoàng Văn B. Cụ M tuy không sinh ra các ông nhưng cụ nuôi nấng cả 4 anh em các ông từ bé cho đến khi trưởng thành.

Năm 1978, Cụ C và cụ M được Hợp tác xã (HTX) Đông Phụng, xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) lấy một phần thửa đất của 2 cụ tại thôn Tân Phụng để đào mương nước và đã đền bù cho 2 cụ một thửa đất vườn diện tích khoảng 200m² tại thôn T, xã T, thành phố B. Thửa đất này có tứ cận tiếp giáp: cạnh Tây Nam giáp với thửa đất số 464 của ông Dương Văn L, cạnh Tây Bắc giáp thửa đất số 455 của ông Hoàng Văn B, cạnh Đông Nam giáp thửa đất số 470 của ông Hoàng Văn T. Việc bỏ mẹ các ông được HTX cấp thửa đất vườn 200m² trên không có văn bản giấy tờ gì. Sau khi được HTX cấp đất, bỏ mẹ các ông là người trực tiếp quản lý, sử

dụng thửa đất trên. Kể từ khi được cấp đất đến khi bố mẹ các ông mất, thửa đất trên vẫn chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Tháng 01/1991, cụ M chết; tháng 03/1996, Cụ C chết. Cụ C và cụ M đều không để lại di chúc. Sau khi 2 cụ mất, 5 anh em các ông (Hoàng Xuân Ph, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn B) họp gia đình và thống nhất: thửa đất vườn 200m² trên chia đều cho 5 anh em, mỗi người khoảng 40m². Khi họp gia đình, các ông không lập biên bản gì. Khi chia đất cũng không đo đạc cụ thể. Phần đất của ông Hoàng Văn T được chia nằm ở phía Đông Nam giáp đất nhà ông T. Phần đất của ông Hoàng Văn B và ông Hoàng Xuân Ph giáp với đất nhà ông Bình. Phần đất của các ông tổng cộng khoảng 80m² nằm ở giữa phần đất của ông T và ông Phi.

Đối với phần đất của các ông, do các ông không sinh sống ở địa phương nên không xây tường vây. Năm 2011, các ông thống nhất đổi phần đất được chia cho gia đình bà Th, ông T, cụ thể là ông T, bà Th sử dụng phần đất mà các ông được chia, còn các ông sẽ sử dụng 80m² đất ruộng của ông T, bà Th ở xứ đồng Mùng Cua tại thôn Tân Phụng, xã Tân Mỹ để làm nghĩa trang gia đình. Việc đổi đất của các ông với ông T, bà Th là có thật, tuy nhiên, vì mối quan hệ anh em trong gia đình nên các bên không lập văn bản giấy tờ gì. Trước khi đổi đất, phần đất ruộng ở xứ đồng Mùng Cua đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Th. Đến năm 2020, khi Nhà nước thu hồi phần đất 80m² ở xứ đồng Mùng Cua, do phần đất ruộng đó vẫn thuộc phần đất ruộng mà nhà bà Th đã được cấp GCNQSDĐ nên bà Th được nhận toàn bộ tiền bồi thường mà không trích chia cho các ông. Các ông không đồng ý nên đã tập kết nguyên liệu gạch, cát, xi măng để đào móng xây tường vây phần diện tích đất vườn mà các ông được chia thì bị ngăn cản.

Khi xảy ra tranh chấp, các ông đã làm đơn đề nghị UBND xã Tân Mỹ giải quyết và UBND xã Tân Mỹ đã hòa giải nhưng không thành. Tại Biên bản hòa giải ngày 05/5/2022 của UBND xã Tân Mỹ, bà Th đã công nhận: bố mẹ các ông có mảnh đất vườn khoảng 200m², sau khi bố mẹ các ông chết, ông Hoàng Xuân Ph, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn B đã thống nhất chia cho mỗi người một phần diện tích, được khoảng 40m².

Do vậy các ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn T gồm anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M và chị Hoàng Thị S trả lại diện tích đất 82,56 m² nằm trong quyền sử dụng đất của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15, diện tích 595,6m² tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất số 470 trên đã được cấp GCNQSDĐ số AP 092036 ngày 20/4/2009 mang trên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Th. Đến khi xảy ra tranh chấp và được UBND xã Tân Mỹ hòa giải vào tháng 5/2022 thì các ông mới biết gia đình bà Th

đã được cấp GCNQSDĐ. Việc UBND huyện Yên Dũng cấp GCNQSDĐ cho ông T và bà Th trong đó có cả phần diện tích đất 82,56 m² của các ông là không chính xác, các ông không cho, cũng không bán cho bà Th diện tích đất này. Đề nghị Tòa án hủy một phần GCNQSDĐ số H00087/327/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 của UBND huyện Yên Dũng cấp cho ông T và bà Th đối với phần diện tích đất 82,56m² thuộc diện tích 595,6m² của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 29/12/2022, căn cứ vào kết quả đo đạc, các ông thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn T gồm anh Ch, chị H, chị H1, anh M và chị S trả lại diện tích đất 75,2 m² (có tứ cận tiếp giáp như sau: cạnh phía Tây Nam và Đông Bắc giáp nhà ông Dương Văn L và ông Dương Văn L1 dài 4,5m; cạnh phía Đông Nam giáp đất ông Hoàng Văn T dài 16,64m; cạnh phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Văn B dài 16,80m) nằm trong quyền sử dụng đất của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15, diện tích 595,6m² tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Th do ông Phạm Đức Th đại diện theo ủy quyền trình bày: nguồn gốc diện tích đất mà ông Ph, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Th và những người thừa kế những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn T gồm anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M và chị Hoàng Thị S trả lại là của bố mẹ ông T (cụ Hoàng Văn C và cụ Dương Thị M) để lại cho các con.

Năm 1978, Cụ C, cụ M khi được HTX Đông Phượng, xã Tân Mỹ cấp 1 thửa đất vườn diện tích 200m² nhưng không có văn bản giấy tờ gì (do HTX đã lấy một phần đất của hai cụ tại thôn Tân Phượng để làm nương nước chung của thôn). Sau khi được HTX cấp đất, Cụ C, cụ M trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên. Khi Cụ C, cụ M mất, thửa đất trên vẫn chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ.

Sau khi Cụ C, cụ M mất, 5 người con của hai cụ gồm Hoàng Xuân Ph, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn B họp gia đình và thống nhất: thửa đất vườn 200m² trên chia đều cho 5 anh em, mỗi người khoảng 40m². Việc này, không lập biên bản, khi chia đất, cũng không đo đạc cụ thể. Đối với phần đất của ông Ph và ông Đ, do ông Ph, ông Đ không ở địa phương và phần đất hai ông được chia giáp với thửa đất vườn của nhà ông T, bà Th nên đã bán lại cho gia đình bà Th, ông T với giá 1.200.000 đồng (cụ thể mỗi suất là 600.000 đồng).

Thời điểm ông Ph, ông Đ bán lại diện tích đất hai ông được chia cho gia đình bà Th là năm 1996. Khi bán đất do diện tích đất ít, lại là người nhà nên các bên không lập văn bản giấy tờ gì. Gia đình bà Th đã giao đủ cho ông Ph, ông Đ mỗi người 600.000 đồng. Ông Ph, ông Đ đã bàn giao đất cho ông T, bà Th ngay sau khi nhận tiền. Kể từ khi ông Ph, ông Đ bán đất cho gia đình bà Th đến nay,

gia đình bà Th sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Ngày 20/4/2009, UBND huyện Yên Dũng đã cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Th đối với diện tích 595,6m², gồm có 250m² đất ở và 345,6m² đất vườn (trong 345,6m² đất vườn có phần đất ông Ph, ông Đ bán cho ông T, bà Th).

Ông Đ và ông Ph trình bày các ông đổi phần đất được chia cho gia đình bà Th, ông T để lấy 80m² đất ruộng của ông T, bà Th ở xứ đồng Mùng Cua tại thôn Tân Phụng, xã Tân Mỹ để làm nghĩa trang gia đình là không đúng. Việc dòng họ di chuyển mồ mả của các cụ về khu vực ruộng ở Mùng Cua là do sự tự nguyện của gia đình bà Th, chứ không có thỏa thuận nào về việc đổi đất vườn của ông Đ và ông Ph lấy đất ruộng của gia đình bà Th. (vì nhà bà Th có nhiều ruộng, khi biết nguyện vọng của dòng họ, gia đình bà Th đã hiến 3 thước ruộng ở Mùng Cua để làm khu nghĩa trang).

Do vậy, bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, ông Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị H đều do ông Phạm Đức Th đại diện theo ủy quyền: thống nhất với trình bày của bà Th, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, ông Đ và đều không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND thành phố Bắc Giang trình bày: do không thu thập được Hồ sơ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Th, không có thông tin biến động nên UBND thành phố Bắc Giang không có cơ sở thể hiện quan điểm vụ việc. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND huyện Yên Dũng trình bày: qua tra cứu tài liệu lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Dũng và Phòng lưu trữ của UBND huyện không tìm được hồ sơ cấp giấy chứng nhận có liên quan đến thửa đất, vụ việc trên do xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang (trước năm 2011 là huyện Yên Dũng) đã được bàn giao sáp nhập về thành phố Bắc Giang từ ngày 01/01/2011, các tài liệu về đất đai liên quan đến xã Tân Mỹ lưu trữ tại huyện Yên Dũng đã bàn giao hết cho UBND thành phố Bắc Giang, nay huyện không còn lưu trữ. Do vậy không có cơ sở thể hiện quan điểm cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất và các quy định có liên quan để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang trình bày: về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 200m² đất vườn tại thôn Tân Phụng, xã Tân Mỹ:

Theo ông Ph, ông Đ cho biết: năm 1978, HTX Đông Phụng đào mương tưới có lấy mất một phần thửa đất ở của gia đình ông Hoàng Văn C (vợ là bà Dương Thị M) là bố mẹ đẻ của các ông, có đền bù cho gia đình thửa đất vườn

diện tích khoảng 200m² tại thôn Tân Phụng, xã Tân Mỹ nay là thửa số 470, tờ bản đồ số 15, diện tích 595,6m² tại thôn Tân Phụng, xã Tân Mỹ. Sau khi được đền bù, bố mẹ các ông vẫn sử dụng để làm vườn.

Gia đình các ông có 05 anh em gồm Hoàng Xuân Ph, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn B. Năm 1996, sau khi bố mẹ các ông mất, 5 anh em đã họp bàn với nhau và thống nhất chia cho mỗi anh em một phần thửa đất nêu trên (diện tích là khoảng 40m²). Sau đó phần của ông Phi cho ông Bình sử dụng. Ông Bình sử dụng khoảng 80m² từ đó cho đến nay. Phần của ông Đ và ông Ph (diện tích là khoảng 80m²) đã đổi với gia đình ông T để lấy thửa ruộng ở Mùng Cua cùng với gia đình ông T, bà Th có góp thêm 2 thước để làm Nghĩa trang gia đình.

Bà Th cho biết nguồn gốc thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15 diện tích 595,6m² được Nhà nước giao cho vợ chồng bà có một phần diện tích đất ở và đất CLN (không nhớ diện tích cụ thể). Còn một phần diện tích đất vườn (khoảng 67,5m²) là đất của bố mẹ để lại. Bố mẹ bà là Cụ C có diện tích đất vườn khoảng 112m². Năm 1996, sau khi bố mẹ bà chết, các anh em chồng bà gồm ông Phi, ông T, ông Ph, ông Đ, ông Bình có thống nhất chia cho mỗi người một phần diện tích (việc thống nhất bằng miệng), trong đó phần của ông Phi giao cho ông Bình sử dụng (tổng diện tích khoảng 45m²). Hai phần của ông Ph và ông Đ (khoảng 45m²) thì bán lại cho vợ chồng bà là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), việc mua bán và trả tiền bằng miệng (không có giấy tờ gì). Sau khi mua của ông Ph và ông Đ, vợ chồng bà sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Năm 2009, Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà (trong đó có phần diện tích đất vườn ông Ph và ông Đ bán cho vợ chồng bà).

Về giấy tờ, hồ sơ nay, UBND xã và thôn Tân Phụng không lưu giữ được giấy tờ gì liên quan đến việc giao đất năm 1978 cho Cụ C, cụ M. Các bên không cung cấp được các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng cũng như việc chuyển nhượng (mua bán) phần thửa đất nêu trên. Hiện nay phần đất trên nằm trong diện tích 595,6m² đất của ông T (đã chết) và bà Th (trong đó có 250m² đất ở và 345,6m² đất vườn) đã được UBND huyện Yên Dũng cấp GCNQSDĐ số AP092036 ngày 20/4/2009.

Ông Hoàng Văn Bình cung cấp: ông là em trai ông Ph, ông Đ và ông T. Phần diện tích đất 75,2m² mà ông Ph, ông Đ khởi kiện bà Th có nguồn gốc nằm trong diện tích đất 200m² mà Nhà nước đền bù cho bố mẹ ông (Cụ C, cụ M) năm 1978. Sau khi được giao đất, bố mẹ ông giao cho ông quản lý sử dụng đến năm 1996. Năm 1996, sau khi bố mẹ ông mất, năm anh em ông họp lại và thống nhất chia đều diện tích đất 200m² thành 5 phần bằng nhau chia cho mỗi người. Bản chất diện tích 75,2m² đất mà ông Ph, ông Đ đang đòi là phần diện tích đất ông Ph, ông Đ được chia. Do ông Ph, ông Đ không sinh sống trên phần đất được chia nên ông T có bảo là để vợ chồng ông T, bà Th sử dụng và ông T, bà Th sử

dụng đất từ năm 1996 đến nay. Việc ông Ph, ông Đ, ông T, bà Th có giao dịch cho mượn hay mua bán, tặng cho, chuyển đổi, thuê khoán gì đối với phần đất tranh chấp hay không thì ông không biết. Đối với phần đất tranh chấp, ông không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì nên đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/TCDS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, đã quyết định: căn cứ Điều 50, Điều 106 Luật Đất đai (LD) năm 2003; Điều 163; Điều 166 của Bộ luật Dân sự (BLDS). Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân P và ông Hoàng Văn Đ về việc: buộc bà Nguyễn Thị Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn T gồm anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M và chị Hoàng Thị S trả lại diện tích đất 75,2 m² (có tứ cận tiếp giáp như sau: cạnh phía Tây Nam và Đông Bắc giáp nhà ông Dương Văn L và ông Dương Văn L1 dài 4,5m; cạnh phía Đông Nam giáp đất ông Hoàng Văn T dài 16,64m; cạnh phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Văn B dài 16,80m) nằm trong quyền sử dụng đất của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15, diện tích 595,6m² tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/02/2023, ông Đ, ông Ph kháng cáo bản án, với nội dung: đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, buộc bà Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T trả lại 75,2m² đất; Hủy một phần GCNQSDĐ số H00087/327/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 của UBND huyện Yên Dũng cấp cho hộ ông T, bà Th đối với phần diện tích 75,2m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ph, ông Đ xin vắng mặt.

Tại phiên tòa Luật sư My bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th ý kiến, Bản án sơ thẩm đã phân tích, đánh giá khách quan các tình tiết của vụ án. Luật sư My đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, ông Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông Thảo đại diện theo ủy quyền của bà Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn Ch, chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị H đồng ý với ý kiến phát biểu của Luật sư My, không bổ sung gì thêm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Ph, ông Đ, phân tích nội dung, các tình tiết của vụ

án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2022 ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Giang. Miễn án phí cho ông Ph, ông Đ do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm việc vắng mặt lần thứ hai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo gồm: đại diện UBND huyện Yên Dũng, đại diện UBND thành phố Bắc Giang, đại diện UBND xã Tân Mỹ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có lý do. Ông Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Đ có đơn xin vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Xét nội dung vụ án, HĐXX thấy: các đương sự đều xác nhận diện tích đất 75,2m² mà ông Ph, ông Đ khởi kiện bà Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T là một phần của thửa đất vườn có diện tích 200m² mà cụ Hoàng Văn C và cụ Dương Thị M được HTX Đông Phương, xã Tân Mỹ đền bù năm 1978. Cụ C, cụ M sử dụng diện tích 200m² đất này từ năm 1978 cho đến khi 2 cụ chết (cụ M chết năm 1991, Cụ C chết năm 1996). Khi chết Cụ C, cụ M đều không để lại di chúc. Năm 1996, 5 người con của hai cụ gồm ông Phi, ông T, ông Ph, ông Đ và ông Bình đã họp gia đình và thống nhất: thửa đất vườn 200m² trên chia đều cho 5 anh em, mỗi người khoảng 40m² nhưng không lập giấy tờ, không xác định mốc giới, diện tích cụ thể.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Ph, ông Đ, HĐXX thấy: thực tế, khi Cụ C, cụ M được thôn đền bù 200m² trên không có văn bản giấy tờ gì. Quá trình sử dụng đất, hai cụ không kê khai việc sử dụng đất, không làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Chính quyền các cấp không lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến việc giao đất năm 1978 cho Cụ C, cụ M. Như vậy, khi ông Phi, ông T, ông Ph, ông Đ và ông Bình phân chia thửa đất 200m² trên năm 1996 thì diện tích đất này chưa được công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho Cụ C, cụ M, trên đất không có bất cứ tài sản gì khác.

[2.1]. Ông Ph, ông Đ trình bày năm 1996 sau khi anh em trong gia đình họp bàn tự phân chia thửa đất 200m² trên, phần đất hai ông được chia đã cho ông T, bà Th mượn để làm vườn đến năm 2011 thì đòi cho ông T, bà Th lấy diện tích đất ruộng 80m² tại xứ đồng Mừng Cua, xã Tân Mỹ để làm nghĩa trang gia đình. Bà Th trình bày gia đình bà đã mua lại phần đất mà ông Ph, ông Đ được chia với giá 1.200.000 đồng năm 1996, việc dòng họ di chuyển mồ mả của các cụ về khu vực ruộng ở Mừng Cua là do sự tự nguyện của gia đình bà, không có việc thỏa thuận đổi đất vườn của ông Đ và ông Ph lấy đất ruộng của gia đình bà như ông

Ph, ông Đ trình bày. Ngoài lời trình bày trên, các đương sự đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chuyển nhượng hay đổi đất giữa các bên.

[2.2]. Ông Ph, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm anh Ch, chị H, chị H1, anh M và chị S trả lại diện tích đất 75,2 m² (có tứ cận tiếp giáp như sau: cạnh phía Tây Nam và Đông Bắc giáp nhà ông Dương Văn L và ông Dương Văn L1 dài 4,5m; cạnh phía Đông Nam giáp đất ông Hoàng Văn T dài 16,64m; cạnh phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Văn B dài 16,80m) nằm trong quyền sử dụng đất của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15, diện tích 595,6m² tại thôn T, xã T, thành phố B nhưng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về quyền sử dụng đất của hai ông đối với diện tích đất này.

Mặt khác ông Ph, ông Đ chưa từng trực tiếp quản lý, sử dụng đất, cũng chưa khi nào kê khai hoặc đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp. Hộ ông T, bà Th đã quản lý, sử dụng liên tục, ổn định diện tích đất trên, đã xây tường vây xung quanh ngăn cách với phần đất của ông Bình; ông Ph và ông Đ đều biết nhưng đều không có ý kiến gì. Ngày 20/4/2009, ông T và bà Th đã được UBND huyện Yên Dũng cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 595,6m² (bao gồm cả phần diện tích đất 75,2m² trên).

Như vậy, không có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, ông Đ. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, ông Đ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông Ph, ông Đ không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy kháng cáo của ông Ph, ông Đ không được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông Ph, ông Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Xuân P và ông Hoàng Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: ông Hoàng Xuân P và ông Hoàng Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND, VKSND thành phố Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hà Giang